

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2018/HS-ST

Ngày: 19/9/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Lợi

Ông Lê Vũ Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 39/2018/TLST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2018/QĐXXST-HS ngày 05/9/2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Chí L (tên gọi khác là C), sinh năm 1989; Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện Nc, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V và bà Lê Thị L; bị cáo có vợ là Bùi Thị L và 02 con; tiền sự: không; tiền án: 01, ngày 19/7/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 27 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 54 tháng về tội trộm cắp tài sản; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/01/2018 đến ngày 08/01/2018 chuyển tạm giam, hiện đang tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

2. Phan Anh T (tên gọi khác là M), sinh năm 1993; Nơi cư trú: Thôn P, xã , huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Đình T (đã chết) và bà Trần Thị H; bị cáo có vợ là Lục Thị N và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/01/2018 đến ngày 05/02/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Phan Anh T là bà Phạm Thị C - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa, số thẻ 5119/QĐ-UBND; có mặt.

- Bị hại: Văn Thị T, sinh năm: 1985, có mặt

Địa chỉ: Thôn 2, xã C, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Văn C, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.

2. Phạm Thế C, sinh năm: 1989

Địa chỉ: Số 28 K3, phường N, quận B, TP.Hà Nội

3. Vũ Ngọc Q, sinh năm: 1986

Địa chỉ: Số 71 ngõ 12, đường Q, phường T, quận H, TP.Hà Nội

4. Đào Thị Hồng H, sinh năm: 1994

Địa chỉ: Số nhà 469 Quốc lộ 21B, Xóm M, Bích H, huyện T, TP.Hà Nội.

5. Lục Thị Nhâm, sinh năm: 1994

Địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa

- Người làm chứng: Vũ Thị Hồng N, sinh năm: 1984

Địa chỉ: Làng Z111, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 29/12/2017, Nguyễn Chí L điều khiển xe mô tô Sirius màu đen vàng của chị Lục Thị N ở thôn Phúc Trí, xã L, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa (L mượn xe từ Phan Anh T chồng chị N, xe mới chưa gắn BKS), mang theo 01 ba lô to màu đen bên trong có 01 kim cộng lực, 01 kéo cắt tôn, 01 khò ga mini và 01 ba lô nhỏ màu đỏ bên trong có 01 áo chống nắng, 01 đôi găng tay, 01 đôi giày, đi từ nhà ở thôn C, xã T, huyện Nc qua huyện T, huyện T, huyện N đến huyện T, rồi quay lại đi theo QL1A hướng về TP.Thanh Hóa với mục đích trên đường đi nếu phát hiện thấy nhà dân nào sơ hở thì đột nhập vào trộm cắp tài sản. Khi đi đến thôn 2, xã C, huyện Q, L quan sát thấy cửa hàng điện thoại Hùng Tuyết ở phía Đông đường 1A có cửa cuốn bằng tôn đã khóa, bên trong tắt điện, khu cửa hàng có khoảng cách với khu nhà ở phía sau, nên L nảy sinh ý định đột nhập vào trong trộm cắp tài sản. L lấy áo chống nắng đội trùm đầu, đeo găng tay, khẩu trang, thay đôi giày màu tối để tránh bị phát hiện. Quan sát phía Nam cửa hàng ở bên ngoài có gắn camera, L nhặt 01 cây gậy đi lại chọc camera ngược lên trên. Sau đó L lấy kim cộng lực, khò ga mini, kéo cắt tôn đi lại cửa cuốn cửa hàng, L lấy 01 biển quảng cáo gần đây để che vị trí L ngồi phá cửa. Sau đó L dùng khò ga mini đốt cháy một điểm của cửa cuốn bằng tôn, rồi dùng kéo cắt tôn để cắt một ô lớn hình chữ nhật, kích thước 113 x 43cm, cạnh dưới cách nền nhà 32cm, quan sát bên trong còn một lớp cửa kính cường lực được khóa bằng khóa dây, nên L dùng kim cộng lực cắt đứt khóa. Sau đó,

linh nhặt chiếc khóa dây, kìm cộng lực, kéo cắt tôn và khò ga mi ni cắt vào ba lô to, rồi mang theo ba lô nhỏ chui qua ô trống vừa cắt đột nhập vào bên trong cửa hàng. L dùng đèn pin của điện thoại mang theo để soi tìm tiền ở quầy bán hàng nhưng không thấy, L thấy chùm chìa khóa, trên mỗi chìa khóa có kí hiệu, L theo kí hiệu để mở khóa tủ kính trưng bày điện thoại, rồi lấy điện thoại cho đầy vào ba lô nhỏ mang ra xe. L lấy kìm cộng lực, kéo cắt tôn và khò ga mi ni, khóa dây trong ba lô to ra rồi bỏ điện thoại từ ba lô nhỏ vào ba lô to, sau đó lại bỏ kìm cộng lực, kéo cắt tôn và khò ga mi ni, khóa dây vào trong ba lô nhỏ. Do ba lô to còn trống nên L tiếp tục đi vào cửa hàng dùng tay ôm điện thoại mang ra bỏ đầy ba lô to. Thấy bên trong cửa hàng đang còn nhiều điện thoại nên L đổ bì xác rắn đựng rác của người dân ra để lấy bì đem vào cửa hàng tiếp tục lấy điện thoại bỏ vào bì xác rắn mang ra xe. Tổng số điện thoại và Ipad L trộm cắp là 100 chiếc. L điều khiển xe chở toàn bộ số điện thoại trộm cắp được đi về hướng huyện T, tỉnh Thanh Hóa, sau đó rẽ về hướng huyện N được khoảng 200m, thấy hai bên là cánh đồng vắng vẻ nên Linh dừng xe lại cởi áo chống nắng, thay giày, tháo găng tay rồi bỏ vào ba lô nhỏ đi tiếp. Khi đi gần đến thị trấn X, huyện T, L phát hiện ba lô nhỏ đã bị rơi, nhưng L không quay lại tìm mà tiếp tục đi về nhà. Về đến nhà, L giấu bì và ba lô đựng điện thoại ở phía hông nhà rồi lấy hai bì rác che lại.

Đến khoảng 14 giờ ngày 30/12/2017, L lấy bì điện thoại mang đi bán. L đi đến quán sửa chữa mua bán điện thoại của anh Nguyễn Văn C sinh năm 1983 ở thôn Hành Chính, xã L, huyện Y, L vào hỏi anh C: “Có mua điện thoại không”, anh C đồng ý mua. L lấy trong bì ra được 67 chiếc điện thoại bán cho anh C với giá 167.000.000^d, do chưa đủ tiền nên C đưa trước cho L 77.000.000^d, ngày hôm sau L đến, C trả tiếp cho L 50.000.000^d, số tiền còn lại 40.000.000^d C hẹn L trả sau. Số tiền bán điện thoại trên L đã dùng chi tiêu cá nhân.

Sau khi bán điện thoại cho C thì L về nhà lấy 01 chiếc Ipad ra để sử dụng, 32 chiếc điện thoại còn lại đựng trong ba lô màu đen do chưa tìm được nơi bán, nên khoảng 21 giờ 30 phút ngày 02/01/2018, L mang đến nhà Phan Anh T ở xã C, huyện N để gửi. T hỏi L “đây là ba lô gì”, L trả lời “đây là ba lô bên trong đựng điện thoại di động”, T hỏi “điện thoại lấy ở đâu”, L trả lời “đây là điện thoại tao ăn trộm được”. Sau đó L nhờ T cất giữ hộ chiếc ba lô chứa điện thoại này, dặn T không được lấy ra dùng hoặc cho ai và hẹn vài ngày sau sẽ đến lấy đi bán. T đồng ý và mang ba lô điện thoại vào nhà cất. Đến ngày 04/01/2018, T đi qua nhà L, biết việc trộm cắp tài sản của L đã bị công an phát hiện, nên đến khoảng 17 giờ ngày 05/01/2018 T lấy 32 chiếc điện thoại trong ba lô cho vào các túi ni lông nhỏ rồi cho tất cả vào một túi ni lông to có khóa kéo cắt vào tủ. Sau đó T đem ba lô to bên trong có áo phao màu đen đến hồ rác nhà anh Lục Đình N sinh năm 1986 ở thôn S, xã C, huyện Ng để đốt. Đến 19 giờ cùng ngày, T mang túi ni lông đựng số điện thoại nói trên đến nhà chị Vũ Thị Hồng N, sinh năm 1984 ở làng Z111, xã T, huyện N gặp chị N, T nói: “Chị cho em gửi túi đồ ở đây em đi tí việc, ít hôm nữa em đến lấy, chị nhớ cất cho em”, chị N đồng ý và cất vào nhà mà không hỏi T bên trong là gì. Đến ngày 27/01/2018, biết không thể trốn tránh hành vi phạm tội của mình, T đã đến cơ quan điều tra đầu thú. Cơ quan điều tra đã thu giữ 32 chiếc điện thoại di động T gửi tại nhà chị N.

Sau khi mua điện thoại của L thì Nguyễn Văn C bán được 01 chiếc nhưng sau đó người mua đã đến trả lại nên chiếc điện thoại này C trưng bày tại cửa hàng; 66 chiếc điện thoại còn lại Cường mang ra Hà Nội bán: Bán 01 chiếc cho cửa hàng điện thoại dọc đường được 2.000.000^d, bán 04 chiếc cho cửa hàng điện thoại của anh Vũ Ngọc Q sinh năm 1986 ở số nhà 341 đường Q, phường T, quận H, TP. Hà Nội với giá 8.500.000^d, bán cho cửa hàng chị Đào Thị Hồng H sinh năm 1994 ở số nhà 469, xóm Múi, huyện T, TP. Hà Nội 07 chiếc với giá 14.400.000^d, bán cho cửa hàng điện thoại của anh Phạm Thế C sinh năm 1989 ở số 10 Đặng Dung, phường Q, quận B, TP. Hà Nội 01 chiếc với giá 5.000.000^d và bán cho một số cửa hàng mua bán điện thoại khác tại Hà Nội. Tổng số tiền thu về từ việc bán 66 chiếc điện thoại là 141.000.000^d.

Sau khi biết số điện thoại mua của L là điện thoại do trộm cắp mà có, C đã tự đi chuộc về được 09 chiếc điện thoại để giao nộp lại cho cơ quan công an cùng với 01 chiếc điện thoại trưng bày tại cửa hàng. Cơ quan điều tra đã thu giữ được 09 chiếc điện thoại (từ anh Vũ Ngọc Q 04 chiếc, Đào thị Hồng H đã bán 03 chiếc giao nộp lại 04 chiếc và Phạm Thế C 01 chiếc); bà Lê Thị L (mẹ bị cáo L) đã tự nguyện giao nộp lại 01 chiếc Ipad.

Sau khi kiểm tra đối chiếu, chị Văn Thị T báo cáo số tài sản bị mất trộm ngày 29/12/2017 là 01 Ipad mini và 99 chiếc điện thoại di động các loại (gồm 07 chiếc Nokia, 28 chiếc Iphone, 10 chiếc Vivo, 02 chiếc Samsung, 26 chiếc oppo, 03 chiếc Huawei, 04 chiếc HTC, 01 chiếc sony).

Ngày 22/01/2018, Hội đồng định giá tài sản huyện Quảng Xương định giá 01 Ipad mini và 99 chiếc điện thoại di động trị giá 497.870.000^d.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Chí L, cơ quan điều tra thu giữ 01 điện thoại di động màu trắng bạc nhãn hiệu Viettel, 01 lưỡi lê dài 30cm đã han rỉ, 01 kim cán màu đỏ đen, 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Chí L, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Lục Thị N, 01 mũ lưỡi trai màu nâu.

Đối với Nguyễn Anh C, Phạm Thế C, Vũ Ngọc Q, Đào Thị Hồng H khi mua điện thoại không biết được đây là tài sản do trộm cắp mà có. Sau khi biết được số điện thoại này là tài sản trộm cắp đã tự nguyện giao nộp lại cho cơ quan điều tra. Nguyễn Văn C đã tự nguyện bồi thường lại số tiền mà Phạm Thế C, Vũ Ngọc Q và Đào Thị Hồng H đã bỏ ra để mua điện thoại. Anh Q và chị H đã nhận lại số tiền bồi thường và không có đề nghị gì khác về phần dân sự. Đối với số tiền Phạm Thế C yêu cầu Nguyễn Văn C bồi thường là 5.000.000^d, hiện nay C đã giao nộp cho cơ quan pháp luật để trả lại cho Phạm Thế C. Nguyễn Văn C không đề nghị giải quyết quyết về dân sự đối với Nguyễn Chí L.

Đối với Đỗ Thị Hồng N, khi Tuấn gửi điện thoại tại nhà mình, chị N không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có, nên không đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự.

Chiếc xe mô tô Sirius màu đen vàng, L mượn của chị Lục Thị N để đi trộm cắp tài sản, sau này được gắn BKS 36K5-154.39, ngày 04/01/2018 chị N đã giao nộp cho cơ quan điều tra, quá trình điều tra xác định chị N không biết L mượn xe

để sử dụng đi trộm cắp tài sản, nên cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho chị N cùng với 01 đăng ký xe mang tên Lục Thị N mà Cơ quan điều tra đã thu giữ khi khám xét khẩn cấp nơi ở của L.

Chiếc ba lô đựng kim cọng lực, khò ga minii, kéo cắt tôn, khóa dây, áo chống nắng, giày mà L đã làm rơi trên đường, chiếc gậy L dùng để chọc camera, cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm vật chứng nhưng không thu hồi được.

Tại bản cáo trạng số 42/Ctr-VKS ngày 27/7/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương đã truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Quảng Xương để xét xử bị can Nguyễn Chí L về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999; bị can Phan Anh T về tội "Che giấu tội phạm" theo khoản 1 Điều 389 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 138; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33; khoản 5 Điều 60; Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Nguyễn Chí L từ 09 năm đến 09 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, tổng hợp với 27 tháng tù tại Bản án số 42/2017/HSST ngày 19/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Buộc bị cáo phải chịu hình phạt chung của hai bản án.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 389, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Phan Anh T từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo L phải bồi thường cho chị Văn Thị T 48 chiếc điện thoại trị giá 296.180.000^d, đã bồi thường 20.000.000^d, còn phải bồi thường 276.180.000^d

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động màu trắng bạc nhãn hiệu Viettel; tịch thu tiêu hủy 01 lưới lê dài 30cm đã hạn rĩ; trả lại cho Linh 01 kim cán màu đỏ đen, 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Chí L và 01 mũ lưới trai màu nâu.

- Ý kiến của bị hại chị Văn Thị T: Số tài sản Chị bị L trộm cắp là 99 điện thoại di động các loại và 01 Ipad. Trong quá trình điều tra Cơ quan công an đã thu hồi và trả lại cho chị 51 chiếc điện thoại di động các loại và 01 Ipad. Hiện nay còn 48 điện thoại di động các loại (gồm 11 chiếc Iphone, 10 chiếc Samsung, 02 chiếc HTC, 17 chiếc Oppo, 06 Vivo, 02 Huawei), trị giá 296.180.000^d bị cáo L chưa bồi thường, tuy nhiên gia đình bị cáo đã bồi thường cho chị 20.000.000^d, số tiền còn lại chị T yêu cầu bị cáo L phải bồi thường là 276.180.000^d.

- Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Phan Anh T: Nguyên nhân, động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo Phan Anh T là do hiểu biết pháp luật hạn chế, vì bị cáo là người dân tộc Mường; bị cáo có nhân thân tốt; không có mục đích vụ lợi trong việc che giấu hành vi phạm tội của Nguyễn Chí L. Đề nghị Hội đồng xét xử

áp dụng khoản 1 Điều 389, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo T mức hình phạt từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo.

- Ý kiến của bị cáo T: Đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

- Ý kiến của bị cáo L: Thống nhất với nội dung cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên, không có tranh luận gì tội danh mà Viện kiểm sát truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về địa phương, gia đình bị cáo khó khăn, con nhỏ. Mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị là quá nghiêm khắc đối với hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo thống nhất với yêu cầu bồi thường dân sự của người bị hại cụ thể là 276.180.000^d.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra, cơ quan truy tố, hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, tuy nhiên Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ và những người này đã có lời khai, ý kiến trong quá trình điều tra. Xét thấy những người này vắng mặt tại phiên tòa không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xem xét lời khai của bị cáo Nguyễn Chí L và Phan Anh T tại phiên tòa, thấy phù hợp với: Biên bản làm việc, kết luận định giá và phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu khác thu thập trong quá trình điều tra vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 02 giờ ngày 29/12/2017, tại cửa hàng điện thoại Hùng Tuyền ở thôn 2, xã C, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa, Nguyễn Chí L đã có hành vi dùng kim cộng lực, kéo cắt tôn, kho ga mini phá cửa để lén lút chiếm đoạt 99 chiếc điện thoại di động các loại và 01 chiếc Ipad, trị giá 497.870.000^d của chị Văn Thị T. Sau khi trộm cắp được số điện thoại trên, Nguyễn Chí L để lại 01 Ipad sử dụng; bán 67 chiếc điện thoại di động cho Nguyễn Văn C để lấy 127.000.000^d; 32 chiếc điện thoại còn lại L mang đến gửi Phan Anh T cất giấu. Phan Anh T biết số điện thoại L gửi cất giấu là do L trộm cắp nhưng vẫn đồng ý cất giấu cho L. Sau khi biết hành vi trộm cắp của L đã bị công an phát hiện, Phan Anh T đã chuyển 32 chiếc điện thoại sang bao ni lông rồi đốt chiếc ba lô chứa điện thoại cùng chiếc áo phao, sau đó đem 32 chiếc điện thoại đến gửi chị Vũ Thị Hồng N, sinh năm 1984 ở làng Z111, xã C, huyện N nhằm che giấu hành vi phạm tội của Nguyễn Chí L.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Nguyễn Chí L đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999; hành vi của bị cáo Phan Anh T đã phạm vào tội “Che giấu tội phạm” quy định tại khoản 1 Điều 389 Bộ luật Hình sự năm 2015. Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hoàn toàn có căn cứ pháp luật.

[2.2] Xét tính chất mức độ nghiêm trọng của tội phạm: Hành vi phạm tội của bị cáo L là liêu lĩnh, rất nghiêm trọng. Bị cáo đã có sự chuẩn bị công cụ, phương tiện như kìm cộng lực, kéo cắt tôn, khò ga mi ni, áo chống nắng, găng tay, giày đế thực hiện hành vi phạm tội một cách dễ dàng hơn, hạn chế sự phát hiện của chủ sở hữu tài sản và cơ quan chức năng. Hành vi trộm cắp 99 chiếc điện thoại và 01 chiếc Ipad của bị cáo L đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của chị Văn Thị T được pháp luật hình sự bảo vệ.

Đối với bị cáo Phan Anh T, tuy không hứa hẹn trước với Nguyễn Chí L, nhưng khi L gửi T cất giấu 32 chiếc điện thoại thì T biết rõ là L trộm cắp mà có, tuy nhiên T vẫn đồng ý cất giấu. Sau đó cố tình che giấu 32 chiếc điện thoại, với mục đích cản trở việc điều tra xử lý đối với L. Hành vi của bị cáo Tuấn là nghiêm trọng, không những xâm phạm đến hoạt động tư pháp mà còn xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

[2.3] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân: Bị cáo Linh sau khi bị cơ quan điều tra phát hiện hành vi trộm cắp và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đã tác động với gia đình bồi thường một phần giá trị thiệt hại cho bị hại; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy bị cáo Linh được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo L có 01 tiền án, thể hiện ngày 19/7/2017 bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 27 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 54 tháng về tội trộm cắp tài sản. Vì vậy lần phạm tội này là tái phạm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm g khoản 1 Điều 49 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Đối với bị cáo T sau khi biết không thể trốn tránh cơ quan pháp luật nên đã đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo Tuấn có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, hơn nữa bị cáo là người dân tộc thiểu số nên hiểu biết pháp luật cũng hạn chế.

[2.4] Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, căn cứ vào tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của từng bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng đối với bị cáo L có nhân thân xấu, phạm tội rất nghiêm trọng và phạm tội trong thời gian thử thách, vì vậy cần phải áp dụng Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ cải tạo bị cáo. Buộc bị cáo Linh phải chấp hành 27 tháng tù tại bản án số 42/2017/HSST ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Buộc bị cáo phải chịu hình phạt của hai bản án.

Đối với bị cáo Tuấn có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội lần đầu, nhân thân tốt, là người dân tộc thiểu số, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 cho bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục cũng đủ điều kiện để bị cáo tự cải tạo thành công dân có ích cho xã hội và không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo L và T là phù hợp, tuy nhiên cần áp dụng mức thấp mà Viện kiểm sát đề nghị.

[2.5] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Số tài sản bị cáo L chiếm đoạt của chị Văn Thị T là 99 điện thoại di động các loại và 01 Ipad, cơ quan điều tra đã thu hồi trả lại cho chị T 51 điện thoại di động các loại và 01 Ipad; còn lại 48 chiếc điện thoại các loại không thu hồi được trị giá 296.180.000^d buộc bị cáo phải bồi thường cho chị T, nhưng được trừ đi số tiền đã bồi thường là 20.000.000^d, bị cáo còn phải bồi thường 276.180.000^d.

Nguyễn Văn C đã tự nguyện chuộc lại 09 điện thoại đã bán và 01 điện thoại trưng bày tại cửa hàng để giao nộp cho Cơ quan công an; Nguyễn Văn C cũng đã tự nguyện trả lại số tiền đã bán điện thoại cho Phạm Thế C, Vũ Ngọc Q và Đào Thị Hồng H. Anh Q và chị H đã nhận lại tiền và không yêu cầu C phải bồi thường thêm khoản nào khác. Số tiền 5.000.000^d Nguyễn Văn C nộp để trả lại cho Phạm Văn C, hiện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương đã chuyển sang Chi cục Thi hành án huyện Quảng Xương.

Nguyễn Văn C không yêu cầu bị cáo L phải trả lại số tiền mà C đã mua điện thoại từ L là 127.000.000^d, xét thấy nguyện vọng của anh C là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động màu trắng bạc nhãn hiệu Viettel; tịch thu tiêu hủy 01 lưỡi lê dài 30cm đã han rỉ; trả lại cho L 01 kim cán màu đỏ đen, 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Chí L và 01 mũ lưỡi trai màu nâu. Chiếc xe mô tô Sirius bị cáo L mượn từ Phan Anh T (nhưng là xe của chị N), khi cho L mượn xe thì T không biết L sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. Vì vậy cơ quan điều tra đã trả lại cho chị N là phù hợp.

[2.7] Về án phí: Buộc bị cáo L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Buộc bị cáo Tuấn phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ: Điểm a khoản 3 Điều 138; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33; Khoản 5 Điều 60; Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Chí L phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí L 09 (chín) năm tù về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Tổng hợp với 27 (hai mươi bảy) tháng tù tại Bản án số 42/2017/HSST ngày 19/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Buộc bị cáo phải chịu hình phạt chung là 11 (mười một) năm 03(ba) tháng tù, nhưng được trừ đi 06 (sáu) ngày tạm giữ của Bản án số 42/2017/HSST ngày 19/7/2017. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (05/01/2018).

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 389, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Phan Anh T phạm tội: “Che giấu tội phạm”.

- Xử phạt: Bị cáo Phan Anh T 15(mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phan Anh T cho UBND xã L, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Căn cứ Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 589 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Chí L phải bồi thường cho chị Văn Thị T số tiền 276.180.000^d (hai trăm bảy mươi sáu triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).

Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn C bồi thường cho anh Phan Văn C số tiền 5.000.000^d. Số tiền này Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương đã giao cho Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 05/9/2018.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động màu trắng bạc nhãn hiệu Viettel, số IME11:35721705266094, IME12257217053064944 điện thoại đã cũ, qua sử dụng, sây sước toàn phần, mặt kính đã bị vỡ.

Tịch thu tiêu hủy 01 lưới lê dài 30cm đã han rỉ đã cũ qua sử dụng;

Trả lại cho Nguyễn Chí L 01 kim cán màu đỏ đen đã cũ, qua sử dụng; 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Chí L và 01 mũ lưới trai màu nâu đã cũ, qua sử dụng

Vật chứng trên hiện Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Xương đã bàn giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/7/2018.

- Án phí: Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Nguyễn Chí L phải chịu 200.000^d

án phí hình sự sơ thẩm và 13.809.000^d án phí dân sự sơ thẩm. Buộc bị cáo Phan Anh Tuấn phải chịu 200.000^d án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- VKSND huyện Quảng Xương;
- Công an huyện Quảng Xương;
- Thi hành án (để thi hành);
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hiệu

